

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC KĨ NĂNG NÓI TIẾNG TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN CƠ SỞ TẠI HỌC VIỆN KHOA HỌC QUÂN SỰ

Đỗ Tiến Quân* và Nguyễn Thị Phương Thảo
Khoa Tiếng Trung Quốc, Học viện Khoa học Quân sự

Tóm tắt. Trong giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc, Nói là một kĩ năng vô cùng quan trọng, thể hiện một cách trực quan nhất về trình độ, năng lực ngôn ngữ của người học. Do đó, việc dạy và học kĩ năng Nói tiếng Trung Quốc luôn là vấn đề được chú trọng, đặc biệt là trong giai đoạn cơ sở. Bằng phương pháp thực chứng, dựa trên cơ sở thực tiễn, bài viết tập trung tìm ra những giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học kĩ năng Nói tiếng Trung Quốc cho học viên, sinh viên tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại Học viện Khoa học Quân sự dưới hai góc độ người dạy và người học, hi vọng góp một tài liệu tham khảo cho công tác giảng dạy và học tập tiếng Trung Quốc tại đơn vị này nói riêng, tại Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Giai đoạn cơ sở, giải pháp, kĩ năng nói, tiếng Trung Quốc.

1. Mở đầu

Mục tiêu cuối cùng của việc dạy và học ngoại ngữ là năng lực giao tiếp. Nói là một kĩ năng rất quan trọng trong quá trình học và dạy ngoại ngữ. Mục đích của rèn luyện Nói là để phục vụ trực tiếp cho việc giao tiếp và học tập các kĩ năng khác bằng ngoại ngữ nói chung, tiếng Trung Quốc nói riêng. Đối với sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc, kĩ năng Nói trong có vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt là ở giai đoạn cơ sở. Ở giai đoạn này, người học không chỉ phát âm chuẩn, tích lũy được vốn từ vựng nhất định, mà còn phải biết triển khai từ, câu, ý một cách logic, biết lập luận và tổng hợp vấn đề, từ đó đặt nền móng vững chắc để phát triển kĩ năng Nói ở các cấp độ cao hơn.

Về các nghiên cứu hữu quan, có thể kể đến một số nghiên cứu tiêu biểu sau:

Nghiên cứu tại Trung Quốc: Đối với việc giảng dạy kĩ năng Nói tiếng Trung Quốc, La Chính Ân cho rằng, đây là kĩ năng vô cùng quan trọng trong giảng dạy tiếng Trung Quốc, tuy nhiên, các phương pháp và mô hình truyền thống về giảng dạy kĩ năng Nói chưa thể hiện được đặc trưng riêng của môn học, thường làm cho người học không thoát khỏi “khung” hình thức ngôn ngữ sách vở, không thể phù hợp với tính linh hoạt và sáng tạo của ngôn ngữ, do đó, phải áp dụng các phương pháp dạy học phù hợp với tính giao tiếp, tính hiệu quả trong giờ học Nói [1, tr 1].

Thông qua khảo sát, điều tra, phỏng vấn, Vương Hải Phong chỉ ra một số đặc điểm của sinh viên Nhật Bản khi học Nói tiếng Trung Quốc, đó là: Động cơ, tâm lý, ý thức học tập, đồng thời tiến hành phân tích đánh giá về thực trạng cũng như một số gợi ý cho việc dạy kĩ năng Nói tiếng Trung Quốc đối với sinh viên Nhật Bản [2].

Các nghiên cứu tại Việt Nam: đối với các vấn đề giảng dạy đại học ngoại ngữ nói chung,

Ngày nhận bài: 11/11/2019. Ngày sửa bài: 17/12/2019. Ngày nhận đăng: 2/1/2020.

Tác giả liên hệ: Đỗ Tiến Quân. Địa chỉ e-mail: quandovn@yahoo.com

tiếng Trung Quốc và kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc nói riêng cho sinh viên Việt Nam, có thể kể đến một số nghiên cứu tiêu biểu sau:

Trong bài viết *Đánh giá kết quả học tập của người học theo định hướng hình thành năng lực và định hướng vận dụng trong thực tiễn giáo dục đại học*, Dương Thị Thúy Hà đi sâu trình bày về đánh giá kết quả học tập của người học theo định hướng hình thành năng lực. Các vấn đề về đánh giá kết quả học tập của người học, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, phương pháp và hình thức đánh giá theo định hướng phát triển năng lực được phân tích chi tiết. Trên cơ sở đó tác giả đề xuất một số định hướng vận dụng trong giáo dục đại học [3].

Trong nghiên cứu *Sử dụng trò chơi dạy học trong dạy học khẩu ngữ tiếng Trung Quốc*, Vi Thị Hoa chỉ ra, trò chơi dạy học là một loại hoạt động dạy học tập trung vào các mục tiêu giảng dạy, lấy hình thức trò chơi để tiếp cận với giảng dạy. Trong dạy khẩu ngữ, sử dụng trò chơi dạy học là một trong những phương pháp dạy học luôn gây nhiều hứng thú cho người học, rất phù hợp và luôn mang lại hiệu quả cao. Dưới góc độ giáo dục học, thông qua nghiên cứu cơ sở lý luận của trò chơi dạy học, tác giả trình bày bốn tác dụng ưu việt của việc sử dụng trò chơi dạy học trong dạy học khẩu ngữ, đồng thời giới thiệu một số hình thức trò chơi dạy học thường dùng trong dạy học khẩu ngữ tiếng Trung Quốc [4, tr 41].

Bài viết *Tác động của các yếu tố văn hóa xã hội đối với việc học tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất, chuyên ngành xã hội học, trường Đại học Cần Thơ* của nhóm tác giả Trần Thị Diễm Cần, Nguyễn Văn Tròn đã phân tích tác động của yếu tố văn hóa xã hội đối với việc học Tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất, chuyên ngành Xã hội học, trường Đại học Cần Thơ từ lý thuyết đến điều tra thực tiễn, trên cơ sở đó, đưa ra những nhận xét và khuyến nghị đối với người học cũng như người dạy Tiếng Anh để việc học Tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành Xã hội học tại trường này đạt hiệu quả và chất lượng tốt [5].

Như vậy, có thể thấy, các nghiên cứu hữu quan tại Trung Quốc và Việt Nam đa phần đều đề cập đến việc giảng dạy đại học, ngoại ngữ nói chung (tiếng Anh, tiếng Trung), hoặc giảng dạy tiếng Trung Quốc hoặc kỹ năng Nói nói riêng ở một góc độ nhỏ (trò chơi ngôn ngữ), hoặc nghiên cứu với đối tượng dạy học là người nước ngoài (Hàn Quốc, Nhật Bản) tại một bối cảnh đặc thù. Thực tế giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Khoa tiếng Trung Quốc - Học viện Khoa học Quân sự (HVKHQ) cho thấy, việc dạy và học kỹ năng Nói trong giai đoạn cơ sở còn gặp nhiều khó khăn. Cả người dạy và người học đều có những điều trăn trở: Thời lượng môn học còn tương đối thấp; Môi trường tiếng chưa thực sự hoàn thiện; Chưa có giáo trình chuyên biệt; Phương pháp dạy và học còn một số vấn đề bất cập; Học viên, sinh viên còn có tâm lý sợ sai, sợ mắc lỗi, chưa biết tận dụng thời gian học, trong giờ học chưa thật mạnh dạn phát biểu, ngoài giờ học chưa biết tạo các tình huống đối thoại, tập nói; Cách thức kiểm tra đánh giá còn một số hạn chế nhất định; Kết quả dạy và học kỹ năng Nói chưa được như mong muốn, cá biệt có trường hợp chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu theo chuẩn đầu ra đối với học viên, sinh viên chuyên ngữ tại HVKHQS. Điều này sẽ được phân tích cụ thể trong các phần 2.2, 2.3, 2.4, 2.5.

Xuất phát từ thực tế trên, chúng tôi ý thức được sự cần thiết phải tìm ra một số giải pháp giúp người dạy và người học khắc phục những khó khăn, nâng cao chất lượng dạy và học kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở. Trong phạm vi cụ thể, như đã chỉ ra ở phần trên, tới nay, cũng chưa có nghiên cứu tổng thể nào đề xuất các giải pháp nâng cao dạy và học kỹ năng Nói cho sinh viên giai đoạn cơ sở của Khoa tiếng Trung Quốc tại HVKHQS. Vì thế, kết quả khoa học của bài báo - nghiên cứu và tìm ra giải pháp thích hợp, hiệu quả trong dạy kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại HVKHQS sẽ góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Trung Quốc tại HVKHQS, nâng cao khả năng giao tiếp của người học, cũng như đáp ứng được nhiệm vụ của Quân đội trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, đây cũng là đóng góp mới của nhóm nghiên cứu đối với công tác nghiên cứu và giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chuẩn đầu ra của các kĩ năng Nói giai đoạn cơ sở

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được phát triển trên cơ sở tham chiếu, ứng dụng CEFR (Common European Framework of Reference for Languages) và một số khung trình độ tiếng Anh của các nước, kết hợp với tình hình và điều kiện thực tế dạy, học và sử dụng ngoại ngữ ở Việt Nam. Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được chia làm 3 cấp (Sơ cấp, Trung cấp và Cao cấp) và 6 bậc (từ Bậc 1 đến Bậc 6 và tương thích với các bậc từ A1 đến C2 trong CEFR). Giai đoạn cơ sở tương đương với bậc 3 và B1 trong CEFR. Cụ thể như sau:

a) Mô tả tổng quát

Bậc	Mô tả tổng quát
Bậc 1	Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.
Bậc 2	Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.
Bậc 3	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

b) Mô tả kĩ năng Nói

- Đặc tả tổng quát cho kĩ năng Nói độc thoại

Bậc	Đặc tả
Bậc 1	- Có thể đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như bản thân, gia đình, trường lớp học hoặc nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày.
Bậc 2	- Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc và thời gian rảnh rỗi. - Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn nhưng chưa thể duy trì được các cuộc hội thoại.
Bậc 3	- Có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh. Có thể trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa như phim ảnh, sách báo, âm nhạc, v.v... - Có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập, công việc hoặc cuộc sống hằng ngày.

- Đặc tả tổng quát cho kĩ năng Nói tương tác

Bậc	Đặc tả
Bậc 1	- Có thể giao tiếp ở mức độ đơn giản với tốc độ nói chậm và thường xuyên phải yêu cầu người đối thoại với mình nhắc lại hay diễn đạt lại. Có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản, khởi đầu và trả lời những câu lệnh đơn giản thuộc những lĩnh vực quan tâm và về những chủ đề quen thuộc.
Bậc 2	- Có thể giao tiếp về những vấn đề đơn giản, trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc liên quan tới công việc và cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thể duy trì hội thoại theo cách riêng của mình. - Có thể giao tiếp một cách dễ dàng bằng những hội thoại ngắn trong những tình huống giao tiếp xác định mà không cần nỗ lực quá mức.
Bậc 3	- Có thể sử dụng ngôn ngữ đơn giản để giải quyết hầu hết các tình huống có thể phát sinh trong khi đi du lịch. - Có thể bắt đầu một cuộc hội thoại về những chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị trước, thể hiện những quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc về cuộc sống thường ngày. - Có thể giao tiếp tương đối tự tin về những vấn đề quen thuộc và không quen thuộc liên quan tới lĩnh vực chuyên môn hoặc quan tâm của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, xử lý các tình huống ít gặp và giải quyết vấn đề. - Có thể bày tỏ suy nghĩ về những chủ đề văn hóa, có tính trừu tượng như phim ảnh, âm nhạc.

Nguồn: Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT

Tại HVKHQS, về tổng thể, chuẩn đầu ra của học viên, sinh viên tiếng Trung Quốc cũng áp dụng theo chuẩn đầu ra của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Khi kết thúc giai đoạn cơ sở, học viên, sinh viên phải tối thiểu đạt bậc 3 và có khả năng tiếp tục được đào tạo ở trình độ cao hơn. Các chuẩn đầu ra của học phần Nói cũng bám chặt vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [7].

2.2. Đặc điểm giáo trình và học phần môn Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại Học viện Khoa học Quân sự

Căn cứ vào chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, đặc điểm đối tượng học viên, sinh viên, hiện nay, Khoa tiếng Trung Quốc, HVKHQS sử dụng các giáo trình sau cho giai đoạn cơ sở (02 năm, 04 học phần, 04 học kì):

Bộ *Giáo trình Hán ngữ* (Dương Ký Châu chủ biên, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh), tổng cộng có 76 bài, từ bài 01 đến bài 76 (06 quyển, trong đó quyển 1 có 15 bài; quyển 2 có 15 bài; quyển 3 có 10 bài; quyển 4 có 10 bài; quyển 5 có 13 bài; quyển 6 có 13 bài và 80 bài trong giáo trình nghe; 100 bài trong giáo trình đọc đi kèm. Đồng thời, năm thứ 2 dùng cuốn “Nhịp cầu” (quyển thượng) (Trần Chúc, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Văn hóa Bắc Kinh) để giảng dạy song song. Việc dạy và học Nói trong các quyển được Khoa, Bộ môn thiết kế, xây dựng theo sát với bài khóa và phần luyện tập với các từ ngữ, kết cấu trọng điểm, như trong bộ “Giáo trình Hán ngữ”: Quyển 1 là hoàn thành câu, hoàn thành hội thoại, thay thế từ trong câu, đặt câu hỏi, tự giới thiệu về bản thân một cách đơn giản. Quyển 2, việc dạy và học kĩ năng Nói ngoài các dạng cơ bản trên, xuất hiện dạng miêu tả theo tranh vẽ, miêu tả về nơi ở của bản thân, tả một người bạn,... Quyển 3, xuất hiện thêm dạng Nói và đặt câu theo mẫu hoặc từ cho trước, tiến hành hội thoại theo yêu cầu, nói về về khí hậu... Quyển 4 xuất hiện thêm dạng nói, kể về một câu chuyện, trải nghiệm, hoặc kỷ niệm của bản thân. Quyển 5 xuất hiện thêm dạng nói về quê hương, quan niệm về tình yêu, hôn nhân, con người,... Quyển 6 xuất hiện dạng diễn đạt theo bối cảnh phức tạp hơn,... Trong cuốn “Nhịp cầu” (quyển thượng) là các dạng phân vai hội thoại,

dùng từ ngữ trọng điểm cho trước để diễn đạt, hoặc thảo luận về vấn đề bài khóa chính, bài khóa phụ nêu ra, trò chơi ngôn ngữ,...với thời lượng mỗi học kì là 240 tiết Thực hành tiếng tổng hợp.

Như vậy, có thể thấy, trong giai đoạn cơ sở, kĩ năng Nói chưa có giáo trình riêng, việc dạy và học kĩ năng Nói luôn được lồng ghép với các kĩ năng khác. Ngoài ra, với lượng kiến thức môn học khá lớn, nội dung tương đối rộng, đề cập đến nhiều loại vấn đề Nói. Một nội dung Nói cũng luôn có những yêu cầu mới hơn theo thời gian, phạm vi, đối tượng, mục tiêu, cách thức Nói cũng phức tạp và đa dạng hơn, nếu giảng viên không nghiên cứu tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy tùy theo tình hình cụ thể của mỗi bài học Nói, lựa chọn nội dung phù hợp với từng phương pháp để nâng cao chất lượng giờ giảng, đem lại hiệu quả như mong muốn, thì rất dễ tạo sự mệt mỏi, nhàm chán, thậm chí là tâm lý không muốn học cho người học, từ đó ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy và học kĩ năng Nói.

2.3. Đặc điểm đội ngũ giảng viên

Với trọng trách là khoa chuyên môn trọng yếu của HVKHS, nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học luôn được xác định là nhiệm vụ trung tâm của Khoa tiếng Trung Quốc. Nhiệm vụ đó không tách rời với nhiệm vụ trọng tâm của HVKHS. Với bề dày 37 năm lịch sử, Khoa tiếng Trung Quốc, HVKHS hiện nay có quy mô lớn nhất trong Quân đội về đào tạo và nghiên cứu tiếng Trung Quốc với các bậc đào tạo từ Đại học chính quy, Đại học văn bằng II, Thạc sĩ, Tiến sĩ, phục vụ cho các nhiệm vụ giảng dạy khác của Học viện. Đội ngũ giáo viên của Khoa vững mạnh số lượng và chất lượng, có trên 90% giảng viên có trình độ sau đại học, trên 50% giáo viên trong Khoa đã được tu nghiệp tại Trung Quốc, nhiều giảng viên có bài báo khoa học công bố trong nước và quốc tế. Với thực lực tương đối hùng hậu, kinh nghiệm phong phú, Khoa tiếng Trung Quốc đã và đang hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, góp phần vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của Học viện, của Quân đội.

2.4. Kết quả môn Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại Học viện Khoa học Quân sự

Trong bài viết này, số liệu mà chúng tôi nghiên cứu dựa trên bảng điểm môn Nói (thi lần 1) học phần 1, 2, 3, 4 thuộc năm thứ nhất, thứ hai các lớp dân sự đã học tập tại Học viện gồm: 11TD1, 11TD2. Cụ thể được trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả thi học phần môn Nói của sinh viên

Lớp	Số	Môn	Năm học	Tỉ lệ kết quả (%)					
				Giỏi	Khá	TB Khá	TB	Yếu	Kém
11T D1	24	Nói 1	2012-2013	45.8	20.8	8.3	12.5	8.3	4.2
		Nói 2	2012-2013	37.5	25	25		8.3	4.2
		Nói 3	2013-2014	45.8	16.7	12.5		12.5	12.5
		Nói 4	2013-2014	29.2	20.8	16.7	4.2	4.2	4.2
11T D2	21	Nói 1	2012-2013	47.6	28.6	4.8	9.5	9.5	
		Nói 2	2012-2013	28.6	38.1	19	9.5		4.8
		Nói 3	2013-2014	38.1	14.3	14.3	14.3	4.8	4.8
		Nói 4	2013-2014	30.4	38.1	19		9.5	

Qua số liệu thống kê ở Bảng 1, có thể nhận thấy, tỉ lệ thành tích giỏi, khá trong khi thi Học phần kỹ năng Nói ở các lớp nhìn chung đều tương đối cao ở các học phần 1, và có sự giảm nhất định ở các học phần sau, tỉ lệ thành tích không đồng đều ở các lớp. Kết quả yếu kém ở các lớp 11TD1, 11TD2 cũng khá lớn. Như vậy có thể nói kết quả học tập kỹ năng Nói của sinh viên giai đoạn cơ sở vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề cần phải khắc phục, và thực chất, một số sinh viên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Vì thế, việc tìm ra những vấn đề đó và giải quyết một cách có hiệu quả, mang tính đối ứng cao nhằm nâng cao chất lượng dạy và học kỹ năng này trong giai đoạn cơ sở tại HVK HQS là điều hết sức cấp thiết.

2.5. Khảo sát điều tra

Để có căn cứ đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại HVK HQS, chúng tôi đã thiết kế phiếu khảo sát (Phụ lục 1) đối với sinh viên giai đoạn cơ sở trong quá trình dạy và học kỹ năng Nói.

Các câu hỏi trong phiếu được thiết kế theo dạng lựa chọn đáp án, có tổng cộng 10 câu hỏi, khảo sát thực tiễn học kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc tại HVK HQS dưới các góc độ khác nhau (sở thích học, động cơ học, độ khó và nguyên nhân, sự bằng lòng với môn học...). Do lượng sinh viên không lớn, chúng tôi sử dụng phương pháp chọn mẫu theo cả khối, bằng danh sách tổng thể các khối lớp, chúng tôi tiến hành khảo sát các lớp sinh viên đã và đang học năm thứ nhất và thứ hai (14TD, 15TD, 16TD, 17TD), phiếu hợp lệ là phiếu điền đầy đủ các mục hoặc chọn đáp án theo yêu cầu, thu về được 56 phiếu hợp lệ. Kết quả khảo sát như sau:

Bảng 2 Thống kê kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở

Stt		Đáp án						
		A	B	C	D	E	F	G
Câu 1	Số chọn (người)	36	20	0				
	Tỉ lệ(%)	64,3	35,7	0				
Câu 2	Số lượng chọn	35	15	6	0			
	Tỉ lệ	62,5	26,8	10,7	0			
Câu 3	Số chọn (người)	15	18	15	8			
	Tỉ lệ (%)	26,8	32,1	26,8	14,3			
Câu 4	Số chọn (người)	28	15	5	8			
	Tỉ lệ (%)	50%	26,8	8,9	14,3			
Câu 5	Số chọn (người)	31	21	4	0			
	Tỉ lệ (%)	55,4	37,5	7,1	0			
Câu 6	Số chọn (người)	15	16	22	26	11	10	13
	Tỉ lệ (%)	26,8	28,6	39,3	46,4	19,6	17,9	23,2
Câu 7	Số chọn (người)	56	48	41	51	56	52	56
	Tỉ lệ (%)	100	85,7	73,2	90,1	100	92,8	100
Câu 8	Số chọn (người)	56	42	40	0			
	Tỉ lệ (%)	100	75	71,4	0			
Câu 9	Số chọn (người)	56	0	0				
	Tỉ lệ (%)	100	0	0				

Câu	Số chọn (người)	56	0	0				
10	Tỉ lệ (%)	100	0	0				

Chú thích: Một số câu hỏi, sinh viên có thể lựa chọn nhiều đáp án

- Phân tích dữ liệu

Sau khi có được kết quả từ phiếu điều tra, chúng tôi đã tiến hành tổng hợp, phân tích, đối chiếu so sánh, cụ thể như sau.

Đối với Thông tin chung về môn học, sở thích, nhận thức chung của sinh viên về tầm quan trọng của kỹ năng Nói (Câu hỏi số 1), 64,3% sinh viên cho rằng, đây là kỹ năng rất quan trọng trong quá trình học ngôn ngữ Trung Quốc, 35,7% sinh viên cho rằng quan trọng, không có sinh viên nào cho rằng không quan trọng. Tương tự, với câu hỏi số 2, có 89,3% sinh viên rất thích hoặc thích học kỹ năng này, 10,7% sinh viên cảm thấy bình thường, không có sinh viên nào không thích học kỹ năng này. Điều đó chứng tỏ 100% người học đều nhận thức được tầm quan trọng không thể thiếu của kỹ năng Nói trong học ngoại ngữ nói chung, tiếng Trung Quốc nói riêng. Đồng thời, họ cũng có niềm đam mê lớn lao với kỹ năng Nói, điều này có sự chênh lệch tương đối lớn với kỹ năng khác, đơn cử như khi so sánh với kỹ năng Viết, thì theo nghiên cứu của Đỗ Tiến Quân (2019), chỉ có 40% sinh viên rất thích hoặc thích, 56,6% sinh viên thấy “bình thường” khi học kỹ năng Viết giai đoạn cơ sở [8, tr 27]. Đây là điều kiện quan trọng để triển khai giảng dạy và học kỹ năng Nói một cách thuận lợi trong giai đoạn cơ sở.

Tuy nhiên, mặc dù nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng Nói trong học tập chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc, nhưng với câu hỏi số 3, chỉ có 58,9% sinh viên tự đánh giá kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc của mình là rất tốt hoặc tốt, 26,8% đánh giá là bình thường, 14,3% đánh giá là kém. Điều này tương đối phù hợp với kết quả các Học phần đã kiểm tra, chứng tỏ, công tác ra đề thi, chấm thi đã phản ánh tương đối chính xác trình độ của người học, cũng như người học nhận thức được tương đối đầy đủ về trình độ của bản thân.

Khi đánh giá về phương pháp giảng dạy kỹ năng Nói ở trên lớp của giảng viên (câu hỏi số 4), 76,8% sinh viên trả lời rất hài lòng hoặc tương đối hài lòng, 8,9% cho rằng bình thường và 14,3% cảm thấy chưa hài lòng. Kết quả điều tra cho thấy phần lớn sinh viên hài lòng với phương pháp dạy kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở, tuy nhiên vẫn còn một số ý kiến cho rằng, điều này cần được cải thiện. Trong thực tế, với trình độ không đồng đều tại các lớp, khối lớp, sinh viên cũng có những nhận thức cũng khác nhau về phương pháp dạy, vì thế, phương pháp giảng dạy của giảng viên phù hợp với người này nhưng lại có thể không phù hợp với người khác, đồng thời, đây cũng là cơ sở để người dạy tiếp tục tìm tòi, đổi mới phương pháp dạy, nhằm đem lại hiệu quả và sự hài lòng cao nhất đối với người học.

Khi trả lời về cơ hội thực hành Nói tiếng Trung Quốc trên lớp (câu hỏi số 5), 55,4% sinh viên chỉ ra, bản thân luôn có cơ hội thường xuyên Nói tiếng Trung Quốc trên lớp, 37,5% là thỉnh thoảng, 7,1% là hiếm khi và không có sinh viên nào trả lời không bao giờ. Điều này gần như tương ứng với kết quả sinh viên tự đánh giá năng lực Nói tiếng Trung Quốc của mình, đồng thời, cũng dễ dàng nhận thấy, tỉ lệ sinh viên chưa thực sự tích cực luyện Nói còn tương đối cao.

Đối với những khó khăn trong giờ học kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở. Việc không hiểu yêu cầu đề bài, thiếu kiến thức chung về chủ đề nói, khó lập dàn ý cho bài nói là vấn đề chiếm lần lượt đến 26,8%, 28,6% và 39,3% (câu hỏi số 6). Thực tế đối với giai đoạn cơ sở, do khối lượng kiến thức học chưa nhiều, một số chủ đề Nói liên quan đến các vấn đề xã hội,... nên nhiều sinh viên còn lúng túng không biết phải nói gì, bắt đầu như thế nào, giải quyết vấn đề làm sao... Điều tra cũng chỉ ra, thiếu kiến thức về ngôn ngữ như vốn từ vựng, ngữ pháp để diễn đạt ý, ngữ âm và ngữ điệu khi nói cũng là vấn đề tương đối khó khăn đối với sinh viên (46,4%, 19,6%). Ngoài ra, có 17,9% sinh viên gặp vấn đề tâm lý khi nói, điều này hoàn toàn không tốt đối với sinh viên và cả giáo viên. Do vấn đề tâm lý, họ ngại nói, không dám diễn đạt, hoặc có

nhiều trở ngại khi diễn đạt, giảng viên vì thế khó phát hiện sinh viên mắc những lỗi nào để kịp thời chỉnh sửa và khắc phục. Đồng thời, có nhiều sinh viên thường tìm ý bằng tiếng Việt trước khi nói bằng tiếng Trung Quốc (23,2%), điều này chứng tỏ những sự chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ có ảnh hưởng và cản trở không nhỏ đến khả năng diễn đạt bằng ngôn ngữ nước ngoài của họ. Có thể nói, câu hỏi 6 cũng là câu hỏi tìm hiểu về nguyên nhân của những khó khăn trong học kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại Học viện.

Câu hỏi 7 là câu hỏi khảo sát ý kiến của sinh viên về những việc giảng viên nên làm để giúp họ học kỹ năng Nói tốt hơn. Việc cung cấp ngữ liệu trước khi nói, hướng dẫn sinh viên lập dàn ý, cấu tứ cho bài nói, đưa ra các chủ đề nói phong phú, hấp dẫn đối với sinh viên là điều được đa số mong chờ (lần lượt là 100%, 85,7% và 73,2%). Điều này chứng tỏ, cần có sự điều chỉnh, bổ sung nhiều chủ đề Nói hơn nữa để đáp ứng được yêu cầu của sinh viên cũng như yêu cầu của chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, việc sinh viên mong muốn giảng viên cung cấp ngữ liệu trước khi nói, chỉ ra cách dàn ý, cấu tứ cho bài nói cũng là điều hết sức cấp thiết. Trong giai đoạn cơ sở, để cho việc dạy và học kỹ năng Nói có hiệu quả, trước tiên sinh viên phải biết trình bày logic nội dung bài nói, sau đó giảng viên sẽ hướng dẫn bổ sung nội dung, giúp sinh viên hoàn thiện bài nói của mình.

Việc tổ chức đa dạng các hoạt động ngôn ngữ, vận dụng các hoạt động nói theo cặp, nhóm, tạo môi trường thoải mái, khích lệ sinh viên tích cực, tự tin khi nói, thường xuyên rèn luyện ngữ âm, ngữ điệu cho sinh viên cũng được đa số sinh viên coi trọng. Khi được tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau, yêu cầu đầu tiên là sinh viên phải tích cực làm việc. Nhờ đó sinh viên sẽ hứng thú hơn vì họ được rèn luyện như trong môi trường thực tế.

100% sinh viên mong muốn giảng viên sử dụng giáo cụ trực quan trong giờ học nói. Giáo cụ trực quan (ti vi, máy chiếu, bản đồ tư duy, mô hình, tranh ảnh, đồ họa,...) giúp người học có thêm cảm hứng học tập, hình dung, nắm bắt được những nội dung hay thông tin cần nói, giúp họ phần nào gạt bỏ những cản trở tâm lý. Vì vậy ngoài những giáo cụ của nhà trường, giảng viên cũng nên chú trọng, đầu tư thời gian và công sức cho giáo cụ trực quan nhiều hơn nữa, chú trọng tính hợp lý của giáo cụ trực quan, nhằm huy động cùng lúc nhiều giác quan của người học vào việc học tập.

Đối với câu hỏi số 8, 100% sinh viên chọn đáp án A, 75% chọn đáp án B, 71,4% sinh viên chọn đáp án C, không có sinh viên nào chọn đáp án D. Đây là căn cứ quan trọng để giảng viên triển khai các thủ pháp khi dạy kỹ năng Nói, đồng thời, điều này cho thấy, sinh viên cũng ý thức được tầm quan trọng về vai trò của giảng viên, về sự hợp tác theo nhóm, sự tương tác giữa giảng viên với sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên. Từ câu hỏi này, cũng có thể thấy nhu cầu của người học kỹ năng Nói, họ không mong muốn Nói là một quá trình “đóng cửa độc thoại”, mà phải là quá trình mở, vì thế, nói cái gì, nói như thế nào, những sửa chữa phân tích sau khi nói đều là những điều mà người học hết sức coi trọng.

Câu hỏi 9, 10 là đánh giá của sinh viên về vai trò của hoạt động ngoại khóa, môi trường tiếng trong dạy và học kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở. 100% sinh viên cho rằng hoạt động ngoại khóa, môi trường tiếng là rất quan trọng và cần thiết trong việc dạy và học kỹ năng Nói. Kết quả này cho thấy giảng viên và Khoa chuyên môn luôn phải có kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa đa dạng, tổ chức hình thành môi trường tiếng một cách linh hoạt, cụ thể, sinh động, tổ chức lớp học phù hợp với từng yêu cầu của giờ học nói, tạo môi trường tiếng tốt đẹp góp phần nâng cao chất lượng dạy và học kỹ năng Nói.

Từ kết quả khảo sát và phân tích trên đây, có thể thấy, công tác dạy và học kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại HVKHQS vẫn còn tồn tại một số vấn đề nhất định, cần phải có sự chỉ đạo về lý luận và thực tiễn để giải quyết một cách thấu đáo. Những phản ánh của sinh viên về bản chất chính là mong muốn mãnh liệt được nâng cao kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở của họ. Điều đó đòi hỏi phải tiến hành một loạt các biện pháp đồng bộ,

phù hợp, sáng tạo, cải tiến phương pháp giảng dạy theo tình hình và đối tượng thực tiễn, nhằm đạt được hiệu quả giảng dạy, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi, mục tiêu của môn học, mục tiêu và yêu cầu đào tạo trong tình hình mới, nhiệm vụ mới của Học viện.

2.6. Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học kĩ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại Học viện Khoa học Quân sự

2.6.1. Nắm chắc nội dung, chương trình đào tạo và mục tiêu, yêu cầu Học phần Nói

Khi tiến hành thực hiện một nội dung giảng dạy, một trong những yêu cầu cơ bản của giảng viên là phải nắm chắc nội dung, chương trình đào tạo tổng thể và mục tiêu, yêu cầu Học phần Nói. Từ đó, giảng viên mới đưa ra được những phương án, nội dung giảng dạy phù hợp với từng đối tượng, trong từng giai đoạn cụ thể. Trong quá trình đó, giảng viên phải chú trọng một số điểm sau:

Một là, nắm chắc về đối tượng đào tạo (học viên, sinh viên năm thứ 1, thứ 2) trước khi tiến hành xây dựng phương án, kế hoạch giảng dạy. Xác định nội dung đào tạo nhằm phát triển kĩ năng Nói của học viên, sinh viên phải được thực hiện trên cơ sở phân tích và mô tả năng lực ngôn ngữ, sở thích, tính cách, tâm lý,... của từng cá nhân và vị trí học tập của cá nhân đó. Nếu giảng viên không nắm chắc về đối tượng đào tạo, không thể tiến hành xây dựng kế hoạch, nội dung giảng dạy và thực hiện giảng dạy đạt hiệu quả.

Hai là, việc xây dựng kế hoạch giảng dạy, nội dung giảng dạy cần được coi trọng, là khâu quyết định đối với chất lượng giảng dạy ngoại ngữ nói chung, kĩ năng Nói nói riêng.

Thứ ba, trong quá trình xây dựng kế hoạch giảng dạy, nội dung giảng dạy, phải thực hiện khảo sát thực tế và nhu cầu học tập của học viên, sinh viên, trong quá trình đó, học viên, sinh viên chính là những người phải được lắng nghe, được hỏi ý kiến, nhu cầu của họ cần được thực sự coi trọng, có sự tham gia của các cơ quan có hữu quan như: Phòng Đào tạo, các Hệ học viên,...

Thứ tư là, khi xây dựng kế hoạch giảng bài, nội dung giảng bài, giảng viên phải nắm chắc khung lý thuyết giảng dạy. Áp dụng những mô hình lý thuyết giảng dạy hiện đại cần có sự thích ứng, sửa đổi, phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Học viện, đồng thời vẫn bảo đảm tính khoa học, trung thực và đáng tin cậy của các nội dung lý thuyết áp dụng.

Thứ năm là, cần bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa các nội dung trong quá trình giảng dạy kĩ năng Nói. Nội dung, chương trình đào tạo và mục tiêu, yêu cầu học phần Nói phải có sự gắn kết chặt chẽ, liên tục theo quá trình, các nội dung giảng dạy phải được tiến hành cẩn trọng, có phương pháp. Đầu ra của nội dung này là đầu vào vững chắc cho nội dung tiếp theo.

2.6.2. Đổi mới phương pháp dạy và học kĩ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII khẳng định “Giáo dục là quốc sách hàng đầu, phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội”. Trọng tâm là “... đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo phát triển nguồn nhân lực, phấn đấu trong những năm tới, tạo ra chuyển biến căn bản, mạnh mẽ chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo làm cho giáo dục đào tạo thật sự là quốc sách hàng đầu, đáp ứng ngay càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân, là yêu cầu bức thiết của toàn xã hội, yêu cầu của hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa”. Do đó, việc đổi mới phương pháp dạy và học ngoại ngữ nói chung, kĩ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại HVKHQS nói riêng là một tất yếu.

2.6.2.1. Đổi mới phương pháp dạy

Một là, việc đổi mới phương pháp dạy phải được bắt đầu từ sự thay đổi nhận thức của giảng viên: Giảng viên phải có sự thay đổi nhận thức đối với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong tình hình mới, phải có tư duy mở và phải luôn tìm cách tiếp cận với các phương pháp giảng dạy tiên

tiến, hiện đại. Giảng viên phải nhận thức được rằng, trong quá trình nâng cao chất lượng giảng dạy kỹ năng Nói, giảng viên phải là nhân tố chủ đạo, quyết định. Phải ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng Nói trong giảng dạy ngôn ngữ nói chung, tiếng Trung Quốc nói riêng. Do kỹ năng Nói là một kỹ năng vô cùng quan trọng, góp phần hình thành năng lực ngôn ngữ cho người học, vì thế, giảng viên phải có sự quan tâm, đầu tư thời gian, công sức đúng mức cho kỹ năng này, công việc đó cũng đòi hỏi sự chung tay, phối hợp chặt chẽ của các giảng viên dạy kỹ năng khác, cũng như Khoa, Bộ môn chuyên ngành để đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả.

Hai là, giảng viên phải sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, trong đó, thông qua sự chỉ dẫn, khuyến khích cũng như thách thức học viên, sinh viên đạt được mục đích học tập, giảng viên phải là “người hướng dẫn” giúp học viên, sinh viên thu được kiến thức đúng, bổ ích về kỹ năng Đọc, giúp họ biết cách tìm, tra cứu tài liệu, xử lý thông tin, thực nghiệm và kiểm nghiệm kỹ năng Nói của bản thân thông qua ý kiến đánh giá của giảng viên, bạn học, dần hình thành và phát triển kỹ năng Nói trong suốt quá trình học tập, cũng khả năng tự tin, áp dụng kỹ năng Nói trong công việc sau này. Khi sử dụng các phương pháp dạy học tích cực vào quá trình dạy học kỹ năng Nói, giảng viên cần chú trọng, yêu cầu học viên, sinh viên giải thích những điều họ đã học được dưới góc độ cá nhân, hỗ trợ họ thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân theo đội hình cặp, nhóm, lớp. Từ đây, sinh viên có ý thức hơn về trách nhiệm của chính mình đối với việc học kỹ năng Nói, ý thức được tầm quan trọng và lợi ích của việc học theo cặp, nhóm, tập thể lớp, là cơ sở giúp họ hình thành kỹ năng làm việc theo nhóm khi tham gia vào môi trường làm việc chuyên nghiệp sau này. Trong quá trình đó, giảng viên phải luôn khuyến khích học viên, sinh viên tranh luận về các chủ đề Nói, việc tranh luận tạo ra cơ hội cho học viên, sinh viên tham gia đầy đủ vào các hoạt động trên lớp, đúc rút được kinh nghiệm trong việc trình bày ý kiến cá nhân, sửa chữa được những lỗi sai (nếu có). Với sự tương tác như vậy, học viên, sinh viên sẽ chuyển từ việc học “thụ động”, “bị động” sang việc học “tích cực”, rèn luyện được thói quen tìm hiểu tài liệu Nói trước khi lên lớp, tham gia vào các khâu của quá trình học kỹ năng Nói một cách tích cực, chủ động, từng bước nâng cao khả năng Nói của bản thân. Trong quá trình đó, phải nghiên cứu, áp dụng một số phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển kỹ năng Nói trong sự phát triển tư duy sáng tạo cho học viên, sinh viên, như: Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề; Phương pháp dạy học thông qua tình huống,...áp dụng vào việc rèn luyện ngữ âm, ngữ điệu, củng cố, vận dụng kiến thức, hình thành tư duy Nói tiếng Trung Quốc và rèn luyện cách diễn đạt thành đoạn,... Khi vận dụng các phương pháp trên đòi hỏi người dạy cần phải có sự kết hợp khéo léo một số kỹ thuật, kỹ năng như làm việc theo nhóm; đàm thoại; đóng vai; thuyết trình; động não,... Đồng thời, phải luôn chú trọng đến các yếu tố ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, các yếu tố ngoài ngôn ngữ như động cơ, tâm lý, năng khiếu,...thì mới đạt được hiệu quả như mong đợi.

2.6.2.2. Đổi mới phương pháp học

Hoạt động giảng dạy và học tập là quá trình trao đổi lại và là sự phản ánh hai chiều. Do đó muốn có được một kết quả đào tạo tốt thì ngoài đổi mới phương pháp dạy, coi trọng vai trò chỉ đạo dẫn dắt của giảng viên, thì bản thân học viên, sinh viên cũng phải đổi mới phương pháp học, tích cực chủ động tham gia vào hoạt động dạy và học này. Cụ thể đối với kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở, học viên, sinh viên cần có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò quan trọng của kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc, nhận thức được tầm quan trọng của việc điều chỉnh phương pháp học tập sao cho phù hợp với đặc thù, yêu cầu của kỹ năng Nói và phương pháp giảng dạy của giảng viên. Từ đó, đổi mới phương pháp học tập kỹ năng này.

Đơn cử như, thay vì học thuộc bài khóa như cách làm truyền thống, học viên, sinh viên phải tìm hiểu xem nội dung chính của bài khóa là gì, cách liên kết các ý trong bài được thực hiện theo cấu trúc gì, có sử dụng các cấu trúc đã học và cấu trúc trong bài học không; sau đó cố gắng dùng những tri thức ngôn ngữ và văn hóa đã có tái hiện lại vấn đề với hình thức dùng lời

của mình hoặc một trong những nhân vật trong bài khóa nói lại nội dung của bài (rèn luyện cách tư duy Nói bằng tiếng Trung Quốc theo tư duy của người Trung Quốc). Từ đó phát triển hội thoại dựa theo nội dung bài khóa.

Đối với mỗi nội dung lên lớp, học viên, sinh viên phải có sự chuẩn bị trước (chuẩn bị bài trước khi lên lớp) để khi tiến hành thảo luận sẽ tạo cho họ rèn luyện được tư duy logic trong khi biểu đạt. Phải tích cực mạnh dạn tham gia phát biểu xây dựng bài, khắc phục tâm lý lười nói, ngại nói do sợ nói sai. Đồng thời, cần phải tìm hiểu và rút ra những đặc điểm của ngôn ngữ nói, phân biệt kỹ năng Nói với kỹ năng Viết để khi gặp trường hợp thực tế giống như vậy có thể sử dụng dễ dàng.

Để khắc phục khó khăn về môi trường tiếng như trong kết quả khảo sát cho thấy, cần phải xây dựng một môi trường tiếng cho bản thân. Tạo ra môi trường tiếng hàng ngày rất có ích cho việc rèn luyện kỹ năng Nói. Như trong giao tiếp hàng ngày với thầy cô, bạn học, cố gắng nói bằng tiếng Trung Quốc. Hoặc, nghe băng đĩa, bản tin, phim, nhạc tiếng Trung Quốc trên truyền hình hoặc trên mạng, cố gắng bắt chước ngữ điệu, tốc độ nói của người bản ngữ đối với những đoạn hội thoại phù hợp với trình độ. Hoặc học nói theo nhóm nhỏ (từ 2 - 3 người), hoặc tham gia câu lạc bộ tiếng Trung Quốc tại Học viện cũng là một hình thức rất tốt để rèn luyện kỹ năng Nói,...

2.6.3. Đổi mới nội dung chương trình, giáo trình tài liệu

Hiện nay, nội dung, chương trình đào tạo cử nhân ngoại ngữ tiếng Trung Quốc cho các đối tượng đào tạo trong Học viện đã tương đối hoàn thiện, về tổng thể, đã đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đào tạo. Qua quá trình mua sắm, đầu tư, hệ thống giáo trình, tài liệu cũng tương đối đầy đủ và phù hợp. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, nội dung, chương trình này cũng còn tồn tại một số vấn đề nhất định, trong đó, giai đoạn cơ sở, thời lượng dành cho kỹ năng Nói tương đối thấp, việc học kỹ năng Nói luôn được lồng ghép trong khi học các kỹ năng khác, chưa có sự phân chia giờ riêng cho kỹ năng Nói, đặc biệt là trong năm thứ nhất, còn năm thứ 2, cũng vậy cũng chưa hoàn toàn rõ ràng, nổi bật. Với 240 tiết thực hành tiếng tổng hợp/học kì, thời lượng dành cho giờ học kỹ năng Nói khoảng 60 tiết, chưa đáp ứng được nhu cầu được rèn luyện nhiều hơn về kỹ năng này của học viên, sinh viên. Cũng chưa có giáo trình riêng biệt cho kỹ năng Nói trong giai đoạn cơ sở tại Học viện.

Khảo sát cho thấy, năng lực Nói của nhiều học viên, sinh viên chưa đạt được như mong muốn, và còn tồn tại một số vấn đề. Điều này là sự ảnh hưởng tổng hợp của nhiều yếu tố, cho thấy sự cần thiết phải nghiên cứu, đổi mới nội dung chương trình, giáo trình tài liệu. Do đó, đổi mới chương trình là dành thêm thời lượng dành cho kỹ năng Nói và phân chia rõ ràng về giờ Nói trong các năm cơ sở. Với thời lượng 240 tiết/học kì hiện nay, có thể nghiên cứu tăng thêm thời lượng tổng thể lên 20-30 tiết/học kì, và dành cho kỹ năng Nói, hoặc phân chia rõ ràng giờ học kỹ năng bằng cách nghiên cứu, chỉnh sửa lại chương trình chi tiết môn học. Như vậy, mới có thể đáp ứng được nhu cầu, đòi hỏi cấp thiết mà thực tế đã chỉ ra.

Về tài liệu giảng dạy, như đã trình bày tại phần 2.2., có thể thấy rõ, số lượng tài liệu có nội dung liên quan đến kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại Khoa tiếng Trung Quốc, HVKHSQ còn tương đối nghèo nàn, chưa có giáo trình dành riêng cho kỹ năng Nói. Chúng tôi cho rằng, phải thống kê, rà soát lại toàn bộ các giáo trình, tài liệu đang sử dụng, kết hợp với thực tế giảng dạy, chương trình chi tiết môn học, đầu ra học phần,... để biên soạn mới, hoặc mua những giáo trình, tài liệu giảng dạy kỹ năng Nói, được xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín của Trung Quốc như Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh, Nhà xuất bản Giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ,... đã và đang được sử dụng rộng rãi tại các cơ sở đào tạo ngôn ngữ Trung Quốc cho lưu học sinh nước ngoài tại Trung Quốc, sau khi thẩm định, nếu Hội đồng khoa học Học viện xét thấy nội dung phù hợp với trình độ sinh viên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, mục tiêu đào tạo, thì có thể đưa vào sử dụng., góp phần cải thiện điều kiện dạy và học kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở hiện nay.

3. Kết luận

Với cơ sở thực tiễn nêu trên, có thể nhận thấy, việc nâng cao chất lượng giảng dạy kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại HVKHQS có tác động lớn đến quá trình nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Trung Quốc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo của Học viện trong tình hình mới. Do khuôn khổ có hạn, bài viết chỉ đưa ra một số cơ sở thực tiễn của các giải pháp, đồng thời, những giải pháp đưa ra cũng giới hạn ở một vài phương diện tổng quan, như: Nắm chắc nội dung, chương trình đào tạo và mục tiêu, yêu cầu Học phần Nói; Đổi mới phương pháp dạy và học kỹ năng Nói; Đổi mới nội dung chương trình, giáo trình, tài liệu,... Những giải pháp này sẽ góp phần định hướng cho giảng viên, học viên, sinh viên để giải quyết những vấn đề gặp phải trong quá trình nâng cao chất lượng dạy và học kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở. Từ đó, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay tại HVKHQS, cung cấp một cái nhìn theo góc độ riêng của một đơn vị đặc thù, từ đó góp phần làm phong phú cho lý luận về dạy và học tiếng Trung Quốc tại Việt Nam nói chung.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐIỀU TRA VIỆC DẠY VÀ HỌC KỸ NĂNG NÓI TIẾNG TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN CƠ SỞ

Đối tượng điều tra: Sinh viên tiếng Trung Quốc - Học viện Khoa Học Quân Sự

Hãy trả lời các câu hỏi sau đây bằng cách điền dấu ☒ vào ô ☐ trước câu trả lời mà bạn cho là phù hợp.

- Bạn cho rằng, kỹ năng nói tiếng Trung Quốc có quan trọng không?
A. Rất quan trọng B. Quan trọng C. Không quan trọng
- Bạn có thích học kỹ năng nói tiếng Trung Quốc không?
A. Rất thích B. Thích C. Bình thường D. Không thích
- Bạn tự đánh giá về kỹ năng nói tiếng Trung Quốc của mình như thế nào?
A. Rất tốt B. Tốt C. Bình thường D. Kém
- Bạn có hài lòng về phương pháp dạy kỹ năng nói tiếng Trung Quốc giai đoạn năm thứ 1, thứ 2 tại Học viện?
A. Rất hài lòng B. Tương đối hài lòng C. Bình thường D. Chưa hài lòng
- Trên lớp, bạn có cơ hội thực hành nói tiếng Trung Quốc không?
A. Thường xuyên B. Thỉnh thoảng C. Hiếm khi D. Không bao giờ
- Khi học kỹ năng Nói tiếng Trung Quốc, bạn cho rằng khó khăn nhất là gì? (có thể lựa chọn nhiều đáp án)
A. Không hiểu yêu cầu đề bài
B. Thiếu kiến thức chung về chủ đề nói
C. Khó lập dàn ý cho bài
D. Không đủ vốn từ vựng, ngữ pháp để diễn đạt ý
E. Gặp khó khăn về ngữ âm và ngữ điệu trong khi nói
F. Các vấn đề tâm lý khi trình bày
G. Thường tìm ý bằng tiếng Việt trước khi nói bằng tiếng Trung Quốc
- Theo bạn, trong giảng dạy kỹ năng Nói giai đoạn cơ sở, những điều nào cần được chú trọng? (có thể lựa chọn nhiều đáp án)
A. Cung cấp ngữ liệu trước khi nói
B. Giảng viên chỉ ra cách dàn ý, cấu trúc cho bài nói
C. Vận dụng các hoạt động nói theo cặp, nhóm
D. Đưa ra các chủ đề nói phong phú, hấp dẫn đối với sinh viên
E. Tạo môi trường thoải mái, khích lệ sinh viên tích cực, tự tin khi nói
F. Thường xuyên rèn luyện cho sinh viên cách phát âm, ngữ điệu

- G. Sử dụng linh hoạt nhiều giáo cụ trực quan trong giờ học
8. Sau khi hoàn thành bài nói, bạn mong muốn điều gì? (có thể lựa chọn nhiều đáp án)
- A. Giảng viên sửa chữa tất cả các lỗi và đưa ra đánh giá, nhận xét
- B. Giảng viên chỉ ra các chỗ mắc lỗi, sinh viên tự sửa
- C. Sinh viên tự sửa chữa, đánh giá lẫn nhau
- D. Không cần sửa chữa, đánh giá
9. Vai trò của hoạt động ngoại khóa trong dạy và học kỹ năng Nói giai đoạn cơ sở?
- A. Rất cần thiết B. Cần thiết D. Không cần thiết
10. Môi trường tiếng có quan trọng trong việc học ngoại ngữ nói chung và việc phát triển kỹ năng nói nói riêng hay không?
- A. Rất quan trọng B. Quan trọng C. Không quan trọng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] La Chính Ân, 2018. *Nghiên cứu thiết kế dạy học Nói tiếng Hán sơ cấp theo đường hướng nhiệm vụ-trường hợp sinh viên Hàn Quốc*. Luận văn Thạc sĩ trường Đại học Triết Giang, Trung Quốc (bản tiếng Trung).
- [2] Vương Hải Phong, 2019. Ý nguyện giao tiếp của sinh viên Nhật Bản trong ngữ cảnh không phải ngôn ngữ đích và công tác dạy Nói tiếng Hán. *Tạp chí Hán ngữ học tập*, số 1, tr 66-74 (bản tiếng Trung).
- [3] Dương Thị Thúy Hà, 2017. Đánh giá kết quả học tập của người học theo định hướng hình thành năng lực và định hướng vận dụng trong thực tiễn giáo dục đại học. *Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 1A, tr 171-180.
- [4] Vi Thị Hoa, 2017. Sử dụng trò chơi dạy học trong dạy học khẩu ngữ tiếng Trung Quốc. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự*, số 9, tr 41-45.
- [5] Trần Thị Diễm Càn, Nguyễn Văn Tròn, 2018. Tác động của các yếu tố văn hóa xã hội đối với việc học tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất, chuyên ngành xã hội học, trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 8, tr 61-68.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Hà Nội.
- [7] Học viện Khoa học Quân sự, 2014. *Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Trung Quốc*, Khoa tiếng Trung Quốc, Học viện Khoa học Quân sự. Hà Nội.
- [8] Đỗ Tiến Quân, 2019. *Nâng cao chất lượng kỹ năng viết tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại Học viện Khoa học Quân sự*. Đề tài khoa học cấp Học viện, Học viện Khoa học Quân sự, Hà Nội.

ABSTRACT

Some solutions to improve the quality of teaching and learning Chinese speaking skills at the basic stage at Military Science Academy

Do Tien Quan* and Nguyen Thi Phuong Thao
Faculty of Chinese, Military Science Academy

In Chinese language teaching, Speaking is an extremely important skill. It demonstrates in a most visible way the level of language ability for learners. Therefore, improving teaching and learning of Chinese speaking skills is always an issue, especially at the elementary stage. Applying empirical method, on practical basis, the article focuses on finding solutions to improve the quality of teaching and learning Chinese Speaking skills for learners and students of Chinese at the basic stage at Military Science Academy under both the perspective of teachers and learners, hoping to contribute a case study to improve the teaching and learning of Chinese in this academy in particular, and in Vietnam in general.

Keywords: Foundation phase, solutions, speaking skill, Chinese language teaching.